ĐÀO TẠO THEO NHU CẦU XÃ HỘI Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

• **GS.TSKH. BÀNH TIẾN LONG**
Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Tiếp theo kì trước)

III. Giải pháp thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội

Nghị quyết 14 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo là: phải gắn kết chặt chẽ đổi mới giáo dục đại học với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, nhu cầu nhân lực trình độ cao của đất nước và xu thế phát triển của khoa học và công nghệ; phát huy tính tích cực và chủ động của các cơ sở giáo dục đại học; Nhà nước tăng cường đầu tư cho giáo dục đại học, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách để các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục đại học.

Việc điều chỉnh hoạt động đào tạo của các trường trên cơ sở dự báo nhu cầu xã hội về số lượng theo ngành nghề và trình độ đào tạo, tăng cường gắn kết đào tạo với nhu cầu xã hội, tránh lãng phí cho xã hội và người học, tăng cường sự hợp tác giữa các trường và người sử dụng, đặc biệt là với các khu công nghiệp lớn, là đổi mới quan trọng nhất trong Đề án Đổi mới Giáo dục đại học Việt Nam. Thời gian tới cần phải chuyển mạnh đào tạo của các trường theo chương trình nghề nghiệp ứng dụng, tăng cường kĩ năng nghề nghiệp thực hành trong đào tạo cao đẳng và TCCN, tăng cường vai trò điều phối của Bộ GD&ĐT, các bộ ngành liên quan và các hội nghề nghiệp trong việc huy động năng lực đào tạo, nghiên cứu của các trường đáp ứng nhu cầu của xã hội. Để thực hiện những định hướng trên, cũng là để thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội, chúng tôi đề xuất một số giải pháp chủ yếu dưới đây:

1. Hình thành Ban điều hành để triển khai đào tạo theo nhu cầu xã hội

Thành phần Ban điều hành gồm đại diện các Bộ, Ngành. Ban điều hành xây dựng kế hoạch cấp quốc gia; tập hợp các nhu cầu từ cơ sở, từ doanh nghiệp, thị trường lao động, từ dưới lên; đồng thời phối hợp đánh giá năng lực của các trường, đánh giá chuẩn nghề nghiệp, giáo viên, để từ đó thông báo cho các đơn vị có nhu cầu đào tạo biết đặt hàng hoặc giao kế hoạch đối với nhu cầu đào tạo của nhà nước. Ban điều hành này một quý gặp nhau một lần.

2. Thành lập cơ quan dự báo nhu cầu xã hội

Cơ quan dự báo nhu cầu xã hội cần phải được thành lập từ các bộ ngành, trung ương và địa phương tạo ra một mạng lưới quốc gia do một trung tâm quốc gia điều phối các hoạt động dự báo nhu cầu nhân lực ngắn hạn (1-2 năm), trung hạn (3-5 năm) và dài hạn (trên 5 năm). Cơ quan này do Thủ tướng thành lập và giao cho Bộ GD-ĐT chủ trì.

Hệ thống này phải được trải khắp tỉnh thành trong cả nước với một cơ quan điều phối thống nhất thuộc một bộ ngành trung ương do Chính phủ quyết định. Căn cứ Nghị định 75/2006/NĐ-CP, tại Điều 3, các khoản 3,4 quy định "Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ ngành và Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh dự báo xác định cơ cấu nhân lực theo trình độ và ngành nghề trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng và địa phương". Theo tinh thần trên các bộ ngành và UBND cấp tỉnh phải có trách nhiệm dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để từ đó xây dựng các chính sách đào tạo của địa phương mình. Bộ GD-ĐT thành lập các chi nhánh tại các vùng Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ... để tiếp nhận nhu cầu các vùng.

Trên cơ sở nguyên tắc hình thành mạng lưới dự báo nhu cầu đào tạo, các trung tâm dự báo địa phương cung cấp thông tin lên mạng quốc gia để cơ quan dự báo quốc gia xử lí và điều phối chung. Ở cấp tỉnh, trung tâm dự báo này có thể trực thuộc một trong các sở ngành GD-ĐT, LĐTB&XH, KH-ĐT.

Các hiệp hội nghề nghiệp cùng với các cơ quan bộ ngành, địa phương dự báo nhu cầu xã

hội, định kì thông báo nhu cầu theo từng loại ngành nghề và trình độ đào tạo. Đây là thông tin quan trọng cho các cơ sở đào tạo lập kế hoạch đào tạo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Bộ GD&ĐT sẽ xúc tiến việc kí kết các văn bản thoả thuận với các hiệp hội nghề nghiệp để hỗ trợ các trường trong đào tạo, thực tập và nghiên cứu của giảng viên, giáo viên và học sinh.

Thực hiện việc mời chuyên gia của các tổ chức quốc tế giúp tổ chức các hội thảo quốc tế, chia sẻ kinh nghiệm của các nước cho các trường trong việc đào tạo theo nhu cầu xã hội.

Các trường chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về năng lực đội ngũ, thành lập Hội đồng trường theo quy định của Luật Giáo dục năm 2005, các hội đồng tư vấn đào tạo theo ngành và xây dựng cam kết trách nhiệm đối với xã hội để có thể liên kết, hợp tác đào tạo và nghiên cứu, phát huy thế mạnh của mỗi bên.

Các trường được chủ động xây dựng ngành đào tạo mới nếu xã hội có nhu cầu nhưng phải cung cấp những thông tin cần thiết cho Bộ GD-ĐT để đăng kí ngành mới như: mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình, dự báo nhu cầu người học, thông tin thị trường lao động liên quan đến ngành mới, những ngành tương tự ở trường khác trong vùng và các điều kiện đảm bảo chất lượng. Các trường có thể kí kết các hợp đồng liên kết đào tạo, thiết kế chương trình đào tạo phù hợp, xác định yêu cầu thu chi để thực hiện chương trình đào tạo, sắp xếp tổ chức nhân sự, không phải chờ ý kiến của bộ chủ quản, nhưng việc liên kết đào tạo phải đảm bảo chất lượng và tuân theo các quy định của pháp luật. Các nhà tuyển dụng và doanh nghiệp cần tham gia vào quá trình thiết kế chương trình đào tạo.

Để cơ quan dự báo nhu cầu xã hội hoạt động tốt, cần phải thiết lập tam giác hợp tác: Nhà nước – Doanh nghiệp – Cơ sở đào tạo. Ở đây, Nhà nước là đại diện các bộ ngành trung ương và địa phương, doanh nghiệp bao gồm cả các hiệp hội và các cơ sở đào tạo thường xuyên trao đổi thông tin. Mỗi năm tam giác hợp tác gặp mặt từ 1 đến 2 lần.

3. Tăng cường cơ chế hợp tác, phối hợp

Hợp tác giữa các Bộ, các Tổng công ty, giữa Bộ GD-ĐT với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Bưu chính Viễn thông, CNTT...; hợp tác tại các địa phương; hợp tác giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp hoặc giữa các cơ sở đào tạo với nhau sẽ tạo nên sức mạnh mới trên cơ sở tận dụng những lợi thế của mỗi bên về con người, cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ và các phòng thí nghiệm hiện đại. Để sự hợp tác có hiệu quả, Nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ thêm nguồn lực cho những cơ sở đào tạo thực hiện hợp tác có hiệu quả với doanh nghiệp trong việc đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động. Bộ GD-ĐT hỗ trợ các trường đào tạo dài hạn, nhà nước hỗ trợ mời Việt kiều tham gia giảng dạy hoặc liên kết với trường các địa phương.

Các vùng, các quốc gia hình thành Web; các Hội nghề nghiệp tham gia. Đại diện các doanh nghiệp, các tổ chức tham gia trong Hội đồng trường.

Nhà nước cần xây dựng và hoàn thiện một số quy định liên quan đến việc liên kết đào tạo, đào tạo theo địa chỉ, chính sách giảm thuế cho doanh nghiệp nếu doanh nghiệp tự đào tạo nhân lực hoặc hỗ trợ cho đào tạo, chính sách đối xử với học sinh, sinh viên thực tập, chính sách đãi ngộ đối với đại diện doanh nghiệp tham gia các hội đồng đào tạo, cấp vốn nghiên cứu triển khai công nghệ, tăng cường nguồn tài chính từ ngân sách để tăng cường năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội, việc hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp, giữa các trường đại học và các viện nghiên cứu được xem là giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Các cơ sở đào tạo cần chủ động hợp tác với nhau và với cả các viện nghiên cứu, phát huy thế mạnh của mỗi bên về đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu, phòng thí nghiệm, tạo ra những nguồn nhân lực mới có thể đáp ứng nhu cầu xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của đội ngũ nhân lực. Bên cạnh việc đẩy mạnh đào tạo nhân lực có trình độ tiến sĩ làm nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu trong các trường đại học, các trường đại học cần chủ động mời cán bộ nghiên cứu có năng lực và phẩm chất tốt tham gia đào tạo. Việc hợp tác sẽ không chỉ giới hạn trong nước mà còn mở rộng liên kết với các trường đại học, các viện nghiên cứu ở nước ngoài thực hiện các hợp đồng đào tạo và nghiên cứu.

4. Phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lí

Đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ

quản lí giáo dục trong các cơ sở đào tạo có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình đào tạo gắn với nhu cầu xã hội. Với một đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lí năng động, hoạt động trong thị trường, trong doanh nghiệp, nhanh chóng nắm bắt nhu cầu thị trường là điều kiện để nhà trường phát triển làm tốt chức năng đào tạo nhân lực cho đất nước, và ngược lại nếu đội ngũ giảng viên, giáo viên không được đào tạo một cách chuyên nghiệp, thiếu cập nhật tri thức mới thì không thể tạo ra sản phẩm đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động. Bộ GD-ĐT cần phải phối hợp với các bộ liên quan xây dựng tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lí làm cơ sở cho việc đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng, bổ nhiệm trong nhà trường.

Các cơ sở đào tạo phải tạo điều kiện để các giáo viên, giảng viên tích cực thâm nhập thực tế, tìm hiểu nhu cầu các doanh nghiệp, tạo mối liên lạc thường xuyên với doanh nghiệp. Khuyến khích các cơ sở đào tạo mời chuyên gia trong nước và quốc tế có trình độ, kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghiên cứu tham gia bồi dưỡng giáo viên, giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Kinh nghiệm của Đài Loan, trong 3 năm giảng dạy, giảng viên phải bố trí thời gian 1 năm thâm nhập thực tế, làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Các nước khác như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc,... các doanh nghiệp là các địa chỉ tin cậy nhất để giảng viên, giáo viên phát huy tài năng, hiệu quả của nghề nghiệp.

5. Xây dựng danh mục nghề, các tiêu chuẩn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp

Xây dựng danh mục nghề là việc quan trọng để đảm bảo công tác thống kê, dự báo nhu cầu nhân lực theo một tiêu chuẩn chung, tránh việc 2 nghề giống nhau nhưng có tên gọi khác nhau. Danh mục nghề cần được phân loại theo tiêu chuẩn quốc tế, có mô tả nghề nghiệp, những ngành kinh tế sử dụng, cơ sở đào tạo ra nghề đó.

Bên cạnh việc xây dựng danh mục nghề , cần xây dựng tiêu chuẩn nghề nghiệp của người lao động. Việc xây dựng tiêu chuẩn nghề nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng và một số lớn các ngành nghề trong giáo dục đại học. Để gắn đào tạo theo nhu cầu xã hội, tiêu chuẩn đào tạo phải bám sát với tiêu chuẩn nghề. Việc đổi mới mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo phải căn cứ vào yêu cầu tại nơi làm việc trong hiện tại và trong tương lai. Tuy nhiên, xây dựng tiêu chuẩn nghề rất tốn kém, do vậy có thể khai thác tiêu chuẩn nghề của thế giới và làm thích nghi với bối cảnh và điều kiện của Việt Nam là cách đi ngắn và hiệu quả nhất.

Tư vấn hướng nghiệp có thể xem là cầu nối giữa giáo dục với thế giới về việc làm, làm cho giáo dục và thị trường lao động gắn kết với nhau hơn. Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh góp phần phân luồng cho THCS và THPT đi theo các con đường học vấn khác nhau nhưng vẫn có thể thành công trong cuộc đời; thúc đẩy sự di chuyển của người lao động trên thị trường trong và ngoài nước; giúp nhận thức được vai trò cá nhân trong thế giới việc làm, cải thiện năng lực, thái độ đạo đức nghề nghiệp, kĩ năng việc làm, ý thức tôn trọng pháp luật cũng là góp phần đáp ứng nhu cầu xã hội. Các trường đại học, cao đẳng, và TCCN cần thành lập các trung tâm dịch vụ, giới thiệu việc làm và theo dõi sinh viên sau tốt nghiệp, có liên hệ chặt chẽ với cơ quan dự báo nhu cầu xã hội cấp địa phương và cấp quốc gia.

6. Hoàn chỉnh cơ chế tài chính, cơ chế học phí mới và tín dụng sinh viên, nhà nước tài trợ quy mô lớn, hợp đồng dài hạn, các doanh nghiệp đóng góp.

7. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề. Huy động công ty trong và ngoài nước hình thành đại học chất lượng cao. Tăng cường sự liên kết trong và ngoài nước.

8. Phát triển hướng nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

9. Triển khai các dự án quốc gia đào tạo theo nhu cầu xã hội: chương trình tiên tiến, xây dựng các trung tâm dạy nghề, các trường dạy nghề. Phối hợp với các khu công nghệ cao để triển khai kế hoạch hàng năm và dài hạn.

10. Kiểm tra, đánh giá và kiểm định năng lực nghề nghiệp đào tạo theo nhu cầu xã hội. Phối hợp với VCCI tiến hành điều tra doanh nghiệp. Mỗi năm tổ chức hội thảo 1 lần. Xây dựng chương trình 3 năm đào tạo theo nhu cầu xã hội 2008-2010.

Để đào tạo theo nhu cầu xã hội được đảm

bảo, ngoài việc cung cấp các chương trình, các khoá đào tạo có chất lượng theo nhu cầu, điều không thể thiếu được là cần sớm xúc tiến xây dựng các trung tâm đánh giá năng lực nghề nghiệp cho những người có nhu cầu học nghề hoặc có nhu cầu tuyển dụng. Việc học có thể tự học hoặc học theo các chương trình không chính quy (nonformal hoặc informal) để đáp ứng nhu cầu việc làm cần được đánh giá và công nhận bởi các cơ quan có uy tín.

Kiểm định có thể xem là một trong những công cụ làm cho đào tạo có trách nhiệm hơn với nhu cầu xã hội trong việc cung cấp các dịch vụ đào tạo có chất lượng. Việc đánh giá các thông số ở đầu ra của quá trình đào tạo giúp cho các cơ quan quản lí biết mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của cơ sở đào tạo về số lượng và chất lượng. Bộ GD-ĐT chủ trương thành lập các cơ quan kiểm định độc lập trên cơ sở các cơ quan này đáp ứng được tiêu chuẩn quy định.

IV. Phác thảo lộ trình thực hiện từ năm 2007 đến 2010

1. Bộ GD&ĐT phối hợp với các bộ ngành Trung ương, đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực trong khuôn khổ và khả năng của từng bộ ngành; dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ quan doanh nghiệp trong các bộ ngành; phát triển tiêu chuẩn nghề nghiệp, xây dựng và đánh giá chương trình đào tạo trong các lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và GDĐH; hỗ trợ công tác đào tạo và giới thiệu việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp.

2. Hàng năm tổ chức hội nghị giữa Bộ GD&ĐT với các bộ ngành liên quan về việc đào tạo theo nhu cầu xã hội.

3. Thành lập cơ quan Dự báo nhu cầu xã hội từ Trung ương đến các địa phương. Các địa phương có trách nhiệm thành lập mạng lưới thông tin, lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho từng giai đoạn. Xây dựng cơ chế chính sách, bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới cơ quan dự báo nhu cầu xã hội.

4. Thiết lập cơ chế để dễ dàng chuyển từ dự báo sang thực hiện nhu cầu đào tạo như: cơ chế thỉnh giảng, chỉ tiêu đào tạo, cơ chế tài chính, tuyển dụng lao động sau đào tạo. Ban hành cơ chế chính sách cho đào tạo theo nhu cầu xã hội

5. Cơ sở đào tạo phối hợp với doanh nghiệp xây dựng mối quan hệ đối tác trong việc xây dựng và kiểm định chương trình đào tạo, tổ chức giảng dạy và bồi dưỡng giảng viên, giáo viên tham gia các hội đồng trường, tăng cường mối quan hệ gắn kết đào tạo với nhu cầu xã hội.

6. Cơ sở đào tạo thành lập các trung tâm dịch vụ hoạt động theo cơ chế thị trường như một doanh nghiệp trong cơ sở đào tạo, giới thiệu việc làm và theo dõi sinh viên sau tốt nghiệp.

7. Tổ chức hội thảo đánh giá kết quả thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội cho từng giai đoạn.

V. Kết luận

Đào tạo theo nhu cầu xã hội là mục tiêu đổi mới của giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, là trách nhiệm của nhà trường, của các bộ ngành trung ương, địa phương, của cả cộng đồng và toàn xã hội. Trong mối quan hệ đa chiều này nhà nước đóng vai trò điều phối, dẫn đường thúc đẩy các mối quan hệ giữa nhà trường và nhà tuyển dụng, các ngành kinh tế mà đại diện là các doanh nghiệp, làm cho cung cầu xích lại gần nhau vì lợi ích chung.

Để đào tạo thực sự xuất phát và đáp ứng nhu cầu xã hội cần phải thành lập các cơ quan dự báo nhu cầu cho đào tạo từ TW đến địa phương, hình thành một mạng lưới thống nhất cung cấp thông tin thị trường lao động và nhu cầu đào tạo của xã hội làm cơ sở cho các cơ quan quản lí giáo dục hoạch định chính sách và điều chỉnh hoạt động đào tạo của các trường ngày càng phù hợp với nhu cầu xã hội.

Sự hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc gia, danh mục nghề nghiệp, khung trình độ, xây dựng cơ chế chính sách mới trong giáo dục và đào tạo, đặc biệt chính sách tài chính và học phí là những điều kiện giúp cho đào tạo gắn với nhu cầu xã hội trở nên khả thi hơn.

Đối với nhà trường, đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp dạy và học, thi kiểm tra đánh giá đòi hỏi đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lí tiếp cận công nghệ đào tạo mới dạy học sinh, sinh viên cách học để hiểu và thực hành nghề nghiệp một cách thành công, trong đó giảng viên, giáo viên và học sinh, sinh viên là động lực cho đổi mới và là tác nhân chính làm cho đào tạo gắn với việc làm.

SUMMARY

The article discusses social needs- based training in Vietnam with focus on analyzing the status quo of the vocational education system in relation to social needs-based training on which basis to bring forth some solutions to this problem.